TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST
Ngày: 29-7-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan.

2. Ông RChâm Đương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29-7-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-DS ngày 29-5-2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ: Số H, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Quyết định ủy quyền thường xuyên số 2965/QĐ-NHNo- PC ngày 27-12-2019 của Ngân hàng N): Ông Cao Tấn Đức – Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng N Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai; Địa chỉ: Số M, đường H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q; Địa chỉ: Làng K, xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng N (Ngân hàng) thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai có cho ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 2372/2017/HĐTD ngày 16-6-2017 kèm giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 14-6-2018 như sau: Số tiền vay 150.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 14-6-2018; lãi suất trong hạn 10%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi 8%/năm; phương thức trả nợ lãi 03 tháng/lần vào ngày 14 của tháng thứ ba, gốc trả cuối kỳ. Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nêu trên thì giữa Ngân hàng với ông C và bà Q có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 800617/HĐTC ngày 14-6-2017 kèm theo Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTC ngày 14-6-2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 21, tờ bản đồ số 73 tại xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 815426 do Ủy

ban nhân dân huyện G cấp ngày 09-5-2016 cho ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q mới trả tiền lãi cho Ngân hàng đến ngày 16-3-2019 là 11.342.356 đồng, sau đó không thực hiện việc trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng như đã thỏa thuận nên đến ngày 15-6-2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ sang nợ quá hạn. Do ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến đến ngày 29-7-2021 là 202.115.231 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.657.534 đồng, nợ lãi quá hạn là 47.835.616 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 622.081 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ. Trường hợp Ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q không trả hết số tiền còn nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng họ cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của họ.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: 02 Bảng kê tính lãi; 01 Hợp đồng tín dụng số 2372/2017/HĐTD ngày 16-6-2017 kèm giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 14-6-2018; 01 Bảng theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ; 01 Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; 01 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 800617/HĐTC ngày 14-6-2017 kèm theo Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTC ngày 14-6-2018; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 815426 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 09-5-2016; 01 Giấy báo nợ đến hạn; 01 Thông báo chuyển nợ quá hạn; 01 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20-02-2017; 01 Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27-12-2019; 01 Quyết định giao nhiệm vụ đối với cán bộ số 1152/QĐ-NHNo-TCTL ngày 17-6-2021; 01 Quyết định bổ nhiệm lại cán bộ ngày 22-02-2019; 01 Quyết định ủy quyền; 01 Quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ; 01 Quyết định ban hành Điều lệ; 01 Điều lệ Ngân hàng N; 01 Danh sách mạng lưới chi nhánh Ngân hàng N; 01 Biên bản xác minh ngày 26-10-2020 của Tòa án; 01 Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21-01-2021 của Tòa án.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Về thời hạn giải quyết vụ án có quá thời hạn chuẩn bị xét xử, Viện kiểm sát sẽ tổng hợp kiến nghị sau; Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 2372/2017/HĐTD ngày 16-6-2017 kèm giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 14-6-2018 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 29-7-2021 là 202.115.231 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.657.534 đồng, nợ lãi quá hạn là 47.835.616 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 622.081 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 800617/HĐTC ngày 14-6-2017 kèm theo Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTC ngày 14-6-2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 21, tờ bản đồ số 73 tại xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 815426 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 09-5-2016 cho ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q. Hợp đồng nói trên có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực và các bên buộc phải thực hiện. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 21-01-2021 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, buộc ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 288, Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 -12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q phải liên đới trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ tính đến ngày 29-7-2021 là 202.115.231 đồng (hai trăm không hai triệu một trăm mười lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng), trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 3.657.534 đồng (ba triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn là 47.835.616 đồng (bốn mươi bảy triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng), nợ lãi trên nợ gốc quá hạn 622.081 đồng (sáu trăm hai mươi hai nghìn không trăm tám mươi mốt đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

3. Trong trường hợp ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 21, tờ bản đồ số 73 tại xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 815426 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 09-5-2016 cho ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 800617/HĐTC ngày 14-6-2017 kèm theo Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTC ngày 14-6-2018.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo C thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Buộc ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

6. Về án phí: Buộc ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị Q phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.105.762 đồng (mười triệu một trăm không năm nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.468.664 đồng (bốn triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0011682 ngày 21-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Gia Lai;*
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính